

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2018.

*V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Hương**.

2. Ông **Triệu Khánh Long**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Anh Đô**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Diệp** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị Tuyết T**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: đường ĐK, Khóm 1, Phường 1, thị xã VC, tỉnh ST.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng C**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường ĐK, Khóm 2, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con ngày 18 tháng 9 năm 2017, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết T trình bày:

Năm 1989 bà Hoàng Thị Tuyết T sống chung với ông Nguyễn Trọng C và có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà T và ông C có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàng P (nam), sinh ngày 29/6/1995 và Nguyễn

Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003. Sau ngày lễ cưới bà Trinh và ông C sống rất hạnh phúc. Đến năm 2005 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, ông C thường xuyên rượu chè, không chuyên tâm lao động sản xuất và có hành vi bạo lực gia đình.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nhận thấy tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc. Nay bà Hoàng Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà Hoàng Thị Tuyết T với ông Nguyễn Trọng C sống chung không phải là quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung*: Đứa con tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 tùy theo nguyện vọng của con muốn ở với cha hay ở với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ở với mẹ thì bà T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng C cấp dưỡng nuôi con. Đối với đứa con Nguyễn Hoàng P (nam), sinh ngày 29/6/1995 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Hoàng Thị Tuyết T trình bày là bà T và ông C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Bà Hoàng Thị Tuyết T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng C đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông C vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 (bút lục số 43-44) ông Nguyễn Trọng C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà Hoàng Thị Tuyết T sống chung với ông Nguyễn Trọng C không phải là quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung*: Đứa con Nguyễn Hoàng P (nam), sinh ngày 29/6/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với đứa con tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 tùy theo nguyện vọng của con muốn ở với cha hay ở với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Trọng C trình bày là ông C và bà T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung, nợ riêng*: Ông Nguyễn Trọng C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà Hoàng Thị Tuyết T sống chung với ông Nguyễn Trọng C không phải là quan hệ vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 cho bà Hoàng Thị Tuyết T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu D và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Hoàng P (nam), sinh ngày 29/6/1995 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C đều trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Trọng C biết là nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà Hoàng Thị Tuyết T sống chung với ông Nguyễn Trọng C không phải là quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con với ông C. Tòa án đã tiến hành thông báo mở phiên họp 02 lần nhưng ông C vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và phiên tòa được mở vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/12/2017 nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Tòa án tiếp tục mở phiên tòa lần thứ hai vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03 tháng 01 năm 2018 nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trọng C theo quy định của pháp luật.

[2] Về pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Tuyết T với ông Nguyễn Trọng C được xác lập vào năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Tuyết T với ông Nguyễn Trọng C là không hợp pháp. Do đó cần áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Hoàng Thị Tuyết T với ông Nguyễn Trọng C là vợ chồng.

Về con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2017 (bút lục số 42) cháu Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 trình bày là hiện nay đang sống với cha, mẹ và cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, bà Hoàng Thị Tuyết T có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu D trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của cháu D tốt về thể chất cũng như tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 cho bà Hoàng Thị Tuyết T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Tuyết T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng C phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Hoàng P (nam), sinh ngày 29/6/1995 đã trưởng thành và bà Hoàng Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C tự thỏa thuận phân chia, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Bà Hoàng Thị Tuyết T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Tuyết T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 2 Điều 81; các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao đứa con tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 04/11/2003 cho bà Hoàng Thị Tuyết T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Tuyết T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng Chung phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian bà Hoàng Thị Tuyết T nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

[3]. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung, nợ riêng: Bà Hoàng Thị Tuyết T và ông Nguyễn Trọng C đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Tuyết T phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009661 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy bà Hoàng Thị Tuyết T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Tòa án Tỉnh ST.
- UBND phường 1;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Phương